

**DỰ TOÁN****"Dự án chăn nuôi ngựa tại xã Vân An" thuộc tiểu Dự án 1, Dự án 3 Chương trình MTQG  
Giảm nghèo bền vững năm 2024***(Dự toán kèm theo Thuyết minh Dự án chăn nuôi ngựa tại xã Vân An)***Tên dự án:** Dự án chăn nuôi ngựa tại xã Vân An**Đơn vị thực hiện:** UBND xã Vân An, huyện Chi Lăng**Thời gian thực hiện:** Tháng 4/2024- 4/2027; Quy mô: 10 con; Số hộ tham gia: 10 hộ**Địa điểm thực hiện:** Thôn Trung Tâm + Hồng Tân, xã Vân An*Đơn vị: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (nghìn đồng)	Tổng cộng (nghìn đồng)	Trong đó		Ghi chú
						Ngân sách NN hỗ trợ	Dân đối ứng	
	<b>Tổng kinh phí thực hiện dự án</b>				<b>616.700</b>	<b>494.000</b>	<b>122.700</b>	
<b>I</b>	<b>Chi phí mua giống, thức ăn, xây dựng chuồng trại và thuốc thú y</b>				<b>597.700</b>	<b>475.000</b>	<b>122.700</b>	
1	<b>Giống ngựa bạch sinh sản:</b> Thông số kỹ thuật: - Khối lượng đạt từ 180kg - 190kg, tuổi từ 20 -25 tháng. - Lông toàn thân màu trắng cước, da hồng nhuận, mắt màu trắng mây, xung quanh con ngươi có màu hồng lửa, ban đêm chiếu đèn có màu đỏ rực, 9 lỗ tự nhiên có màu hồng đỏ (2 lỗ mắt, 2 lỗ mũi, 2 lỗ tai, mồm, hậu môn, bộ phận sinh dục) móng chân có màu trắng ngà. - Đầu và cổ kết hợp cân đối và chắc chắn, tai dựng đứng về phía trước, linh hoạt, mắt to lồi và sáng. - Cơ quan sinh dục: Xương chậu rộng, bầu vú to, 2 núm vú dài to cân đối, tĩnh mạch vú 2 bên sườn nổi rõ, âm hộ mở, ít nhẵn, khép kín	Con	10	47.500	475.000	475.000		Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 22/11/2022 của HĐND tỉnh Quy định một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội
2	Thức ăn ngô hạt 01 con: (1kg/ngày x 365 ngày)x 3 năm )= 1.095kg	Kg	10.950	10	109.500		109.500	Hộ gia đình đối ứng thêm thức ăn, thuốc thú y, chuồng trại
3	Chuồng trại	Hộ	10	1.200	12.000		12.000	
3	Thuốc thú y (thuốc sát trùng Han- lodine10% - 100ml)	Lọ	10	120	1.200		1.200	
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng và quản lý dự án</b>				<b>16.165</b>	<b>16.165</b>		
1	Chứng thư thẩm định giá	Lần	1	5.000	5.000	5.000		Theo báo giá của nhà cung cấp CTTĐ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (nghìn đồng)	Tổng cộng (nghìn đồng)	Trong đó		Ghi chú
						Ngân sách NN hỗ trợ	Dân đối ứng	
2	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	Lần	1	3.000	3.000	3.000		Điều 12, Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu Thầu về lựa chọn nhà thầu (Thuê tư vấn đấu thầu, theo báo giá của đơn vị tư vấn đấu thầu)
3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Lần	1	2.000	2.000	2.000		
4	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	Lần	1	3.000	3.000	3.000		
5	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Lần	1	3.000	3.000	3.000		
6	Chi phí đăng tải thông báo mời chào hàng	Gói	1	165	165	165		
<b>III</b>	<b>Chi phí hỗ trợ cán bộ thú y hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi ngựa (chăm sóc, tiêm phòng trong 3 năm)</b>	buổi	10	50	500	<b>500</b>		Căn cứ tại Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 15/8/2023 về Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025
<b>IV</b>	<b>Tập huấn kỹ thuật: 01 lớp x 2 buổi x 10 người/lớp</b>				<b>2.335</b>	<b>2.335</b>		Quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025
1	Văn phòng phẩm (bút, vở, túi khuy, tài liệu..) (phát 1 lần)	Người	10	40	400	400		
2	Tiền Giảng viên: 01 người/buổi/lớp	Buổi	2	400	800	800		
3	Tiền ăn ( 40.000 đ/ buổi x 2 buổi)	Người	10	80	800	800		
4	Nước uống ( 10.000đ/ buổi x2 buổi)	Người	10	20	200	200		
5	Maket	Cái	1	135	135	135		

3,33	0,3	3,63	2.340.000	8.494.200	2.123.550	10.617.750
------	-----	------	-----------	-----------	-----------	------------

3,33	0,3	3,63	1.800.000	6.534.000	1.633.500	8.167.500
------	-----	------	-----------	-----------	-----------	-----------

849.420 9.768.330

653.400 7.514.100